

Số: 138/2019/QĐST-HNGĐ

T, ngày 16 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 214/2019/TLST-HNGĐ ngày 02/5/2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982

Bị đơn: Anh Nguyễn Chí D, sinh năm 1977

Cùng trú tại: P1712, CT4, khu đô thị E, xã T, huyện T, TP H

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 - Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 - Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào Điều 26, Điều 27 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08/5/2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08/5/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nguyễn Thị Hương L và anh Nguyễn Chí D

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo M, sinh ngày 23/02/2010. Ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận giao cháu M cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 6/2019 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Anh D có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

* Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hương L tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên lai số 8780 ngày 26/4/2019. Chị L đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện T;
- đăng ký kết hôn ngày 22/11/2006 tại UBND thị trấn B, tỉnh S;
- Lưu hồ sơ.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ

Thẩm phán

(Đã ký)